**NỘI DUNG ÔN TẬP NGŨ VĂN 8- HỌC KÌ II**

**A. VĂN BẢN**

**Bài 1 NHỚ RỪNG – Thế Lữ**

**Câu 1**

**Trả lời câu 1 (trang 7 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

Bài thơ chia làm 5 đoạn với nội dung mỗi đoạn:

- Đoạn 1 và đoạn 4: nói lên niềm uất hận của con hổ sống trong cảnh tầm thường, tù túng, nhân tạo giả dối ở vườn bách thú.

- Đoạn 2 và 3: hồi tưởng cảnh tượng tự do, phóng khoáng nơi núi rừng thời oanh liệt.

- Đoạn 5: hoài niệm nơi núi rừng khi xưa với giấc mộng ngàn.

**Câu 2**

**Trả lời câu2 (trang 7 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

a.

- Cảnh tượng ở vườn bách thú là cảnh tượng rất tù túng, ngột ngạt.

   + Đoạn 1: thể hiện tâm trạng chán ngán, căm hờn, uất ức của con hổ khi bị nhốt trong cũi sắt, bị biến thành thứ đồ chơi, bị xếp cùng bọn gấu dở hơi, cặp báo vô tư lự.

   + Đoạn 4: cảnh tượng vườn bách thú trong mắt con hổ rất đáng khinh: cảnh là nhân tạo, giả dối, thấp kém, học đòi, không có chút gì mang dáng dấp của rừng núi hoang sơ.

- Cảnh núi rừng hùng vĩ, nơi con hổ ngự trị những "ngày xưa".

   + Đoạn 2+3: miêu tả cảnh núi rừng đại ngàn, cái gì cũng lớn lao, cao cả, phi thường: bóng cả, cây già, gió gào ngàn, nguồn hét núi. Chúa sơn lâm có vẻ đẹp vừa tinh tế vừa dũng mãnh, uy nghi, lại không kém phần mềm mại uyển chuyển.

b. Từ ngữ chọn lọc, phong phú, gợi tả → diễn tả cảnh đại ngàn hùng vĩ, lớn lao, mạnh mẽ phi thường, bí ẩn linh thiêng trong giang sơn của con hổ.

c. Sự tương phản, đối lập gay gắt giữa cảnh tượng vườn bách thú, và cảnh núi rừng hùng vĩ diễn tả thấm thía nỗi nhớ tiếc da diết, đau đớn, của con hổ đối với những quá khứ huy hoàng của nó.

**Câu 3**

**Trả lời câu 3 (trang 7 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

Con hổ có một vẻ đẹp oai hùng, lại được coi là chúa sơn lâm, huy hoàng đầy hống hách ở chốn đại ngàn sâu thẳm, trong vũ trụ rộng lớn, hay bị giam hãm trong cũi sắt là biểu tượng rất đắt về anh hùng chiến bại mang tâm sự u uất. U uất vì tù túng, mà phải chấp nhận cái tẻ nhạt, tầm thường.

- Cảnh rừng khoáng đạt, hùng vĩ - giang sơn của chúa sơn lâm - là biểu tượng của thế giới rộng lớn, tự do và cao cả.

**Câu 4**

**Trả lời câu 4 (trang 7 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

Nhà phê bình Hoài Thanh đã ca ngợ Thế Lữ "như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được". Điều này nói lên nghệ thuật sử dụng từ điêu luyện, đạt đến độ chính xác cao:

- Chỉ riêng về âm thanh núi rừng Thế Lữ cho ta nghe thấy tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, tiếng thét khúc trường ca dữ dội.

- Điệp ngữ tạo ra sự tiếc nuối (nào đâu, đâu những, ...)

- Câu thơ nhịp nhàng, cân đối khi miêu tả dáng điệu hùng dũng, mềm mại của con hổ.

**BÀI 2. QUÊ HƯƠNG- Tế Hanh**

**Câu 1**

**Bố cục:**4 phần

- 2 câu đầu: Giới thiệu chung về làng quê.

- 6 câu tiếp: Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá.

- 8 câu tiếp: Cảnh thuyền cá về bến.

- 4 câu cuối: Nôn nao nỗi nhớ làng, nhớ biển quê hương.

**Nội dung chính:**Tế Hanh đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, tromg đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài. Bài thơ cho thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

**Trả lời câu 1 ( trang 18 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

**Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi:**

- Không gian, thời gian: Trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.

- Hình ảnh con thuyền được so với con tuấn mã: “hăng”, “phăng” thể hiện sự dũng mãnh, tràn trề sức sống của đoàn thuyền.

- Hình ảnh cánh buồm được so sánh như mảnh hồn làng: Biểu hiện cho hồn cốt của người dân vùng biển.

**Cảnh đón thuyền cá về bến:**

- Không khí: Ồn ào, tấp nập, náo nhiệt

- Hình ảnh người dân chài: “làn da ngăm dám nắng”, “thân hình nồng thở vị xa xăm”

=> Vẻ đẹp rắn chắc, khỏe khoắn mang phong vị người dân miền biển.

- Hình ảnh chiếc thuyền: Con thuyền được nhân hóa. Nó cũng như con người, trở về nghỉ ngơi sau hành trình vất vả, chất muối thấm trong từng thớ vỏ như hồn biển hồn quê thấm vào máu thịt mỗi người dân quê.

**Câu 2**

**Trả lời câu 2 (trang 18 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Hình ảnh cánh buồm được so sánh với mảnh hồn làng: cái vô hình, vô sắc được cụ thể hóa bằng hình ảnh có hình khối, đường nét, màu sắc. Cảnh mang hồn người, nhà thơ đã thổi vào cảnh linh hồn của làng chài. Cánh buồn vốn gắn bó, gần gũi trong cuộc sống của dân chài trở thành một hình ảnh thơ bay bổng, giàu tính tượng trưng.

   Sử dụng biện pháp ẩn dụ thể hiện cảm nhận bằng xúc giác (vị), cái vốn chỉ được cảm nhận bằng thị giác (thân hình).

**Câu 3**

**Trả lời câu 3 (trang 18 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Tình cảm của tác giả đối với quê hương thật đằm thắm, sâu sắc. Xa quê, tác giả luôn nhớ về quê minh với vị mặn mòi, màu xanh của biển, với cánh buồm trắng, những con thuyên ra khơi và những thùn hình vạm vỡ của những người dân chài.

**Câu 4**

**Trả lời câu 4 (trang 18 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

- Giọng thơ mộc mạc, giản dị, ngôn ngữ giàu giá trị biểu cảm.

- Hình ảnh so sánh giàu hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao, phép nhân hóa.

- Phép ẩn dụ, đảo trật tự từ trong câu.

- Hàng loạt động từ mạnh, tính từ, phép liệt kê.

- Sử dụng phương pháp biểu đạt tự sự đan xen miêu tả và biểu cảm.

 **BÀI 3. KHI CON TU HÚ- Tố Hữu**
**Câu 1**

**Bố cục:**2 phần

- Phần 1 (6 câu đầu): bức tranh mùa hè.

- Phần 2 (4 câu cuối): tâm trạng người tù, người chiến sĩ cách mạng.

**Nội dung chính:**Thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

**Trả lời câu 1 (trang 20 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

- Nhan đề bài thơ:

   + Là một vế phụ chỉ thời gian trong một câu => gây sự chú ý.

   + Tiếng chim tu hú: tín hiệu của sự sống , mùa hè.

- Nội dung: Khi con tu hú gọi bầy cũng là khi đất trời chuyển sang hè, trong không gian lao tù bức bối, ngột ngạt, người chiến sĩ cách mạng lắng nghe mùa hè đang rạo rực càng thêm cháy bỏng niềm yêu sống, khao khát tự do.

- Tiếng tu hú kêu tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ vì nó gợi nhắc về mùa hè phóng khoáng, tưng bừng với bao cảnh sắc quyến rũ đối lập với cảnh tù chật chội.

**Câu 2**

**Trả lời câu 2 (trang 20 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

- 6 câu thơ lục bát mở đầu bài thơ là một mùa hè tươi đẹp, dào dạt sức sống, khung cảnh đất trời cao lộng

- Căn cứ vào những hình ảnh tiêu biểu, chọn lọc: tiếng ve ran, lúa chín vàng, bầu trời cao,…

**Câu 3**

**Trả lời câu 3 (trang 20 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

   Trạng thái cảm xúc bức bối, ngột ngạt của người tù - người chiến sĩ được thể hiện trực tiếp ở 4 câu cuối:

   Tiếng tu hú ở đầu bài thơ gợi ra trong cảm nhận người tù - người chiến sĩ cảnh tượng mùa hè, cả cuộc sống tự do háo hức, rộn rã; còn ở cuối bài thơ, khi cảm giác ngột ngạt, u uất lên đến cao độ thì tiếng chim lại khiến cho tâm trạng chiến sĩ thêm đau khổ, bức bối vì cảnh giam hãm, mất tự do.

**Câu 4**

**Trả lời câu 4 (trang 20 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

   Cái hay của bài thơ nằm trong hai mặt nội dung và nghệ thuật.

- Khi con tu hú thể hiện một tình yêu cuộc sống tha thiết, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng khi bị giam cầm trong nhà tù thực dân.

- Bài thơ có nhiều hình ảnh gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm; sử dụng thể thơ lục bát, lời thơ tự nhiên, truyền tải được cảm xúc lắng sâu, đồng thời thể hiện được nguồn sống sôi sục của người cộng sản trẻ.

 **B. TIẾNG VIỆT**

**Bài 1. CÂU NGHI VẤN**

 **Phần I**

**ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG CHÍNH**

**Trả lời câu hỏi (trang 11 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

**a.**

- Câu nghi vấn đó là:

   + Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không?

   + Thế làm sao u cứ khóc mãi không ăn khoai? Hay là u thương chúng con đói quá?

- Những đặc điểm hình thức chi biết các câu trên là câu nghi vấn:

   + Có những từ nghi vấn: "có ... không", "làm sao" và từ "hay".

   + Kết thúc câu bằng dấu chấm hỏi (khi viết).

**b.** Chức năng các câu nghi vấn trên là dùng để hỏi.

**Phần II**

**LUYỆN TẬP**

**Câu 1 => 2**

**Trả lời câu 1 (trang 11 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

   Có những câu nghi vấn sau:

a. Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không?

b. Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế?

c. Văn là gì? Chương là gì?

d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không? Đùa trò gì? Cái gì thế? Chị cóc béo xù đứng trước cửa nhà ta đấy hả?

- Đặc điểm hình thức cho biết đó là những câu nghi vấn:

   + Có những từ nghi vấn như: phải không, tại sao, gì, không, hả.

   + Kết thúc câu bằng dấu chấm hỏi (khi viết).

**Trả lời câu 2 (trang 11 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

- Các câu này đều là những câu nghi vấn vì có từ "hay"

- Không thể thay từ "hay" bằng từ "hoặc" trong các câu nghi vấn đó. Bởi vì nếu thay thì câu trở thành kiểu câu trần thuật và có ý nghĩa khác hẳn.

**Câu 3 => 4**

**Trả lời câu 3 (trang 13 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

   Không. Vì đó không phải là những câu nghi vấn. Câu a, b có các từ nghi vấn như (có ... không, tại sao, không) nhưng những kết cấu chứa những từ này chỉ làm chức năng bổ ngữ trong một câu.

   Trong câu c, d các từ nào (cũng), ai (cũng) là những từ bất định có ý nghĩa khẳng định tuyệt đối, chứ không phải là nghi vấn.

**Trả lời câu 4 (trang 13 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

   Về hình thức, hai câu (a) và (b) dùng hai cặp từ khác nhau: có ... không; đã ... chưa. Về ý nghĩa, câu (b) cho ta biết: trước đó, "anh" không khỏe. Nhưng câu (a) không đề cập tới vấn đề này.

   Câu trả lời thích hợp đối với câu (a) là khỏe hoặc không khỏe. Câu trả lời thích hợp với câu (b) là: đã khỏe hoặc chưa khỏe.

   Ví dụ:

- Cái cặp này có đẹp không?

- Cái cặp này đã cũ chưa?

**Câu 5 => 6**

**Trả lời câu 5 (trang 13 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

   Về hình thức, câu a và câu b khác nhau ở trật tự từ. Trong câu a, "bao giờ" đứng đầu câu còn trong câu b, "bao giờ" đứng cuối câu.

   Về ý nghĩa, câu a hỏi về thời điểm của một hành động sẽ diễn ta trong tương lai, câu b hỏi thời điểm của một hành động đã diễn ra trong quá khứ.

**Trả lời câu 6 (trang 13 SGK Ngữ văn 8, tập 2):**

   Câu (a) đúng, tuy không biết nó nặng bao nhiêu nhưng có thể cảm nhận được sức nặng nhờ cảm giác. Câu (b) sai, vì chưa biết giá bao nhiêu thì không thể khẳng định chiếc xe rẻ được.

**Bài 2. CÂU NGHI VẤN ( TT )**

**Phần I**

**NHỮNG CHỨC NĂNG KHÁC**

a. Bộc lộ cảm xúc, hoài niệm về quá khứ

b. Đe doạ

c. Đe doạ

d.khẳng định

e. Bộc lộ sự ngạc nhiên

- Không phải tất cả các câu nghi vấn bao giờ cũng kết thúc bằng dấu chấm hỏi, có thể là dấu chấm than, chấm lửng, dấu chấm.

**Phần II**

**LUYỆN TẬP**

**Câu 1**

**Trả lời câu 1 (trang 22 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

- Các câu nghi vấn và tác dụng:

a) *Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?*

*=>*Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (đau khổ, buồn bã).

b) Các câu trong khổ thơ đều là câu nghi vấn (trừ thán từ: *Than ôi*!)

=> Mang ý phủ định; bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

c) *Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi?*

*=>*Mang ý cầu khiến; bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

d)*Ôi, nếu thế thì còn đâu là quả bóng bay?*

=> Mang ý phủ định; bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

**Câu 2**

**Trả lời câu 2 (trang 23 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

- Các câu nghi vấn:

a) *“****Sao****cụ lo xa thế?”; “Tội****gì****bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?”; “Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy****gì****mà lo liệu?”*

b) “*Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người, không ra ngợm ấy, chăn dắt****làm sao****?”*

c) “***Ai****dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?”*

d) *“Thằng bé kia, mày có việc****gì****?”; “****Sao****lại đến đây mà khóc?”*

-  Đặc điểm hình thức để nhận dạng các câu trên là câu nghi vấn là: ở các từ nghi vấn (các từ in đậm) và ở dấu chấm hỏi khi kết thúc mỗi câu.

- Những câu nghi vấn này dùng để:

a) Cả ba câu đều diễn đạt ý phủ định.

b) Thể hiện sự băn khoăn, ngần ngại.

c) Mang ý khẳng định.

d) Cả hai câu đều dùng để hỏi.

- Các câu nghi vấn ở mục (a), (b), (c) đều có thể được thay thế bằng những câu khác tương đương mà không phải nghi vấn. Các câu tương đương theo thứ tự lần lượt là:

a) “*Cụ không phải lo xa quá thế*.”; “*Không nên nhịn đói mà để tiền lại.*”; “*Ăn hết thì đến lúc chết không có tiền để mà lo liệu*.”

b) “*Không biết chắc là thằng bé có thể chăn dắt được đàn bò không*.”

c) “*Thảo mộc tự nhiên có tình mẫu tử*”

**Câu 3 => 4**

**Trả lời câu 3 (trang 24 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

a) *Cậu có thể kể lại cho mình nghe nội dung bộ phim tối hôm qua được không?*

b) *Chị Dậu ơi! Sao đời chị lại gặp nhiều buồn đau đến thế?*

**Trả lời câu 4 (trang 24 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Trong nhiều trường hợp giao tiếp, các câu như: *Anh ăn cơm chưa?* *Cậu đọc sách đấy à?*,…thường dùng để chào. Trong trường hợp này, người nghe không nhất thiết phải trả lời vào nội dung câu hỏi, mà có thể trả lời bằng một câu chào khác. Quan hệ giữa người nói và người nghe thường là quen biết hoặc thân mật.

**C. TẬP LÀM VĂN**

**BÀI 1. VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**Phần I**

**ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**1. Nhận dạng các đoạn văn thuyết minh**

**Trả lời câu hỏi (trang 14 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

**a)**

- Câu thứ nhất là câu chủ đề. Các câu sau triển khai làm rõ nội dung của câu chủ đề.

b)

- “Phạm Văn Đồng” đóng vai trò là từ ngữ chủ đề. Các câu sau dấu hai chấm cung cấp những thông tin về Phạm Văn Đồng theo kiểu liệt kê.

**2. Sửa các đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn**

**Trả lời câu hỏi (trang 14 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

a)

- Nhược điểm: Nội dung lộn xộn, chưa mạch lạc

- Sửa lại: Giới thiệu cấu tạo trước (các phần ruột bút gồm đầu bút, ống mực; vỏ bút gồm thân bút, móc gài, nút bẩm); sau đó giới thiệu cách sử dụng: khi viết cần làm gì, khi viết xong cần làm gì.

b)

- Nội dung sắp xếp chưa hợp lí

- Sửa lại: Giới thiệu lần lượt các bộ phận của đèn

(1) Phần đế đèn

(2) Phần thân đèn gồm ống thép, dây điện, công tắc, đui đèn, bóng đèn.

(3) Phần chao đèn gồm khung sắt và vải lụa (cũng có khi bằng sắt có tráng men trắng).

**Phần II**

**LUYỆN TẬP**

**Câu 1**

**Trả lời câu 1 (trang 15 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

- *Mở bài: “Trường trung học cơ sở nơi em học là một ngôi trường lớn nhất trong vùng. Em rất vui vì được học ở ngôi trường mà trước đây anh chị em đã từng học”.*

*- Kết bài: “*Em yêu trường em nhiều lắm. Hình ảnh của ngôi trường thân yêu sẽ mãi mãi  sâu vào trong tâm trí em, nơi lưu giữ cả một quãng thời gian tuổi thơ tươi đẹp”.

**Câu 2**

**Trả lời câu 2 ( trang 15 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

“Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam. Sau 30 năm ở nước ngoài thì Bác đã trở về nước lãnh đạo phong trào cách mạng của dân tộc. Quân và dân ta đã giành được nhiều thắng lợi và đặc biệt là sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954… Khi hòa bình được lập lại thì Bác đã đứng ra điều hành đất nước. Đưa ra nhiều chính sách, phát động nhiều phong trào và tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng miền Nam để thống nhất đất nước.

**Câu 3**

**Trả lời câu 3 (trang 15 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Sách "Ngữ văn 8", tập một gồm có 17 bài học. Mỗi bài học thường gồm 3 phần: Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Tuy nhiên, không phải bài nào cũng giống hệt nhau, có bài chỉ có 2 phân môn, có bài lại thêm cả phần ôn tập, kiểm tra. Mỗi phân môn lại có một cách trình bày phù hợp với đặc điểm riêng. Ví dụ, phân môn Văn thường có các mục: Văn bản, Chú thích, Hướng dẫn soạn bài, Ghi nhớ, Luyện tập.

**BÀI 2. Thuyết minh về một phương pháp (cách làm)**

**Phần I**

**GIỚI THIỆU MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)**

**Trả lời câu hỏi (trang 26 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

- Khi cần thuyết minh cách làm một đồ vật (hay cách nấu món ăn, may quần áo ...) người ta thường nêu những nội dung sau:

   + Nguyên vật liệu

   + Cách làm

   + Yêu cầu thành phẩm

- Cách làm được trình bày cái nào làm trước, cái nào làm sau theo một thứ tự nhất định thì mới cho kết quả mong muốn.

**Phần II**

**LUYỆN TẬP**

**Câu 1**

**Câu 1 (trang 26 SGK Ngữ văn 8, tập 2)**

Trò chơi: DUNG DĂNG DUNG DẺ

- Cách chơi:

    + Địa điểm :trong nhà ngoài sân

    + Số lượng:từ 5-10 em chơi 1 nhóm

    + Hướng dẫn: quản trò vẽ sẳn các vòng tròn nhỏ trên đất,số lượng vòng tròn ít hơn số người là một.

  Khi chơi các bạn nắm áo tạo thành một hàng đi quanh các vùng tròn và cùng độc"dung dăng dung dè dắc trẽ đi chơi, khi đọc hết chử đây các bạn chơi nhanh chóng tìm một vòng tròn và ngồi xệp xuống.sẽ có một bạn không có vòng tròn để ngồi tiếp tục xoá vòng tròn và chơi như trên,lại sẽ có 1 bạn không có,trò chơi tiếp tục khi chỉ còn 2 người

- Luật chơi

 + Trong 1 khoản thời gian bạn nào khống có vòng thì bị thua.

+ Hai bạn ngồi cùng 1 vòng bạn nào ngồi xuóng dưới là thắng.

**Câu 2**

**Câu 2 (trang 26 SGK Ngữ văn 8, tập 2**

Cách đặt vấn đề đi từ rộng đến hẹp,lần lượt các ý sau:

    + Vai trò quan trọng không thể thay thế của con người ở thời đại khoa học, máy móc phát triển.

    + Để gánh vác được vai trò đó, con người cần phải đọc.

    + Số lượng rất lớn về đầu sách, trang in của ngành in thế giới.

    + Cách đọc như thế nào trước núi tư liệu đó.

- Các cách đọc:

    + Đọc thành tiếng.

    + Đọc thầm (gồm đọc theo dòng và đọc ý).

- Nội dung và hiệu quả

  + Về nội dung, phương pháp đọc nhanh là cách đọc không theo từng câu mà thu nhận ý chung trong bài viết qua các từ ngữ chủ yếu.

    + Về hiệu quả, đây là cách đọc cho phép ta thu nhận thông tin cần thiết trong một đoạn văn, một trang sách, lược bỏ những thông tin không cần thiết, thu nhận thông tin nhiều mà tốn ít thời gian, đặc biệt là cơ mắt ít mỏi.

- Những số liệu trong bài có ý nghĩa chứng minh, tăng sức thuyết phục đối với việc giới thiệu phương pháp đọc nhanh.